TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **67**/2025/HNGĐ-ST Ngày: 07-03-2025 V/v tranh chấp ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhanh.

2. Ông Phạm Văn Hễ.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 07 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 390/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 646/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1986. (vắng mặt)
Địa chỉ: 55/5 ấp E, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên hệ: 71/3 đường N, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Trần Lệ V, sinh năm 1987. (vắng mặt)
Thường trú: 834A, ấp E, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.
Cư trú: Canada.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/10/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Trần Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Lệ V tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 02/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 122, quyển số 01/2011. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng của ông hạnh phúc. Đến năm 2018, ông và bà Trần Lệ V thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và không có tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Ông và

bà V đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không được, đến năm 2018, bà V sang Canada sinh sống và làm việc, ông H vẫn ở lại Việt Nam. Từ khi qua Canada đến nay giữa ông H và bà V không còn liên lạc để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì thời gian mâu thuẫn kéo dài nên khả năng đoàn tụ không có, tình cảm vợ chồng không còn và nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H xin được ly hôn với bà Trần Lệ V để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông và bà Trần Lệ V có 01 (một) con chung tên Trần Minh H1, sinh ngày 10/7/2015, giới tính: Nữ. Ông H đồng ý giao con chung cho bà V là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ông H cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 10.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bận việc, ông Trần Văn H yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại Bản tự khai đã được chứng thực tại Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Vancouver, Canada ngày 20/01/2025 bị đơn bà Trần Lệ V xác nhận lời trình bày của ông Trần Văn H về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng là đúng.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Lệ V đồng ý ly hôn với ông Trần Văn H.

Về con chung: Bà và ông Trần Văn H có 01 (một) con chung tên Trần Minh H1, sinh ngày 10/7/2015, giới tính: Nữ. Bà V đồng ý là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung; Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà đồng ý ông H cấp dưỡng với số tiền 10.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện đi lại gặp nhiều khó khăn, bà Trần Lệ V yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Trần Văn H và bà Trần Lệ V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 122, quyển số 01/2011 ngày 02/8/2011 nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa ông H và bà V là hợp pháp.

Do bị đơn đang cư trú ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét bản tự khai của bà Trần Lệ V đã được chứng thực tại Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Vancouver, Canada ngày 20/01/2025 nên được xem là chứng cứ hợp pháp của vụ án theo quy định tại Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết, yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được quy định tại Khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Căn cứ vào lời khai, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cuộc sống vợ chồng giữa ông H và bà V lúc đầu có hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Ngoài ra, do khoảng cách địa lý, thời gian sống chung vợ chồng không lâu, hoàn cảnh mỗi người mỗi nơi nên không có điều kiện gần gũi, chăm sóc nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng không có cơ hội hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà V.

Bên cạnh đó, bà V cũng đồng ý ly hôn với ông H vì nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, để đôi bên tự ổn định cuộc sống riêng của mình.

Từ những lý do trên, nhận thấy mục đích hôn nhân giữa ông H và bà V không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của ông H.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Trần Minh H1, sinh ngày 10/7/2015, giới tính: Nữ. Ông Trần Văn H và bà Trần Lệ V cùng thỏa thuận giao con chung cho bà V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông H cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 10.000.000 đồng/ tháng cho đến khi trưởng thành.

Xét thấy, sự tự nguyện này của ông H và bà V là phù hợp với quy định pháp luật nên được ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa không xét.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Là 300.000 đồng, ông Trần Văn H phải chịu theo quy định pháp luật.

Án phí cấp dưỡng: Là 300.000 đồng, ông Trần Văn H phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Ông Trần Văn H và bà Trần Lệ V có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 37; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273; Điều 280; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Văn H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn H được ly hôn bà Trần Lệ V.

1.2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Trần Văn H và bà Trần Lệ V giao con chung tên Trần Minh H1, sinh ngày 10/7/2015, giới tính: Nữ cho bà V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Trần Văn H cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 10.000.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa không xét.

2. Án phí sơ thẩm:

2.1. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Trần Văn H chịu, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà ông H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0041721 ngày 29/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Án phí cấp dưỡng: Là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Trần Văn H phải chịu.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà Trần Lệ V được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án. Ông Trần Văn H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày , kể từ ngày bản án được tống đạt

hợp lệ. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.(Linh/18b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Bích Duyên